VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam ngày 11 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:

"1. Sở Giao thông vận tải chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 1.".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

"**Điều 10. Thủ tục chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1**

1. Hồ sơ (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản)

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu hoặc sơ đồ vị trí thiết lập phao và cờ hiệu;

c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải;

b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải gửi văn bản (kèm theo một bộ bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này) đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia, Cảng vụ hàng hải khu vực nếu vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước nằm trên vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải để lấy ý kiến;

d) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải khu vực có văn bản trả lời. Hết thời gian quy định mà không có văn bản trả lời, coi như Chi cục Đường thủy nội địa khu vực, Cảng vụ hàng hải khu vực đồng ý chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 1 theo đề nghị của tổ chức, cá nhân;

đ) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"**Điều 11. Thẩm quyền thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng hoạt động tại vùng 2**

1. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng hoạt động tại vùng 2.

2. Trước khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư liên hệ Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện thỏa thuận về địa điểm, quy mô, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Việc đầu tư dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"**Điều 12. Thủ tục công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng 2**

1. Hồ sơ công bố vùng hoạt động có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng 1 hoặc sơ đồ bố trí phao và cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng 1;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án (nếu có);

d) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;

đ) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử bản vẽ hoàn công công trình, bao gồm cả hải đồ hoặc bản đồ thể hiện vị trí.

2. Hồ sơ công bố vùng hoạt động không có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:

a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng 1 hoặc sơ đồ bố trí phao và cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng 1;

c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ; nếu hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;

c) Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố, cho phép hoạt động theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không giải quyết phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 của Điều 13 như sau:

"2. Trường hợp đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2 theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2.

3. Hồ sơ, thủ tục đóng vùng hoạt động quy định tại điểm d khoản 1 Điều này

a) Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp huyện 01 bản chính hoặc biểu mẫu điện tử đơn đề nghị theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2 theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.".

6. Bổ sung khoản 4 Điều 14 như sau:

"4. Miễn đăng ký đối với phương tiện không có động cơ có sức chở không quá 05 người.".

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

"**Điều 19. Cơ quan đăng ký phương tiện**

Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện, quản lý việc đăng ký, quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước thuộc diện phải đăng ký theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước được miễn đăng ký.”

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Giấy tờ phải nộp, gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản);

b) Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.”.

b) Sửa đổi, bổ sung câu dẫn của khoản 2 như sau:

“2. Giấy tờ phải xuất trình khi nộp hồ sơ gồm bản chính các loại sau:”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

“a) Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này;”.

9. Sửa đổi, bổ sung câu dẫn của Điều 21 như sau:

“Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan đăng ký phương tiện quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Hồ sơ và xử lý như sau:”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 22 như sau:

"2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan đăng ký phương tiện quy định tại Điều 19 của Nghị định này. Hồ sơ gồm:

a) Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo.

Cơ quan đăng ký phương tiện căn cứ hồ sơ, dữ liệu lưu trữ để cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký với các nội dung được giữ nguyên như Giấy chứng nhận đã cấp trước đó.

b) Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng: Tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 như sau:

"2. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn người nộp hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký phương tiện cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.".

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 24 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Chỉ đạo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố vùng hạn chế, vùng nước phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước được phép hoạt động.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Chỉ đạo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.".

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 25 như sau:

"3. Chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện các quy định của pháp luật về hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại Việt Nam.".

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

"**Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện:

a) Quản lý việc đăng ký phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước;

b) Kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức quản lý phương tiện thuộc diện được miễn đăng ký trong phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

c) Tổ chức quản lý hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 2 thuộc phạm vi quản lý.

3. Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện quản lý hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1 trong phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.".

15. Thay thế Mẫu số 03, Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 10, Mẫu số 11, Mẫu số 12 quy định tại Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước tương ứng bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoạt động tại vùng 1 trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được hoạt động theo thời hạn ghi trên văn bản chấp thuận.

2. Vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng 2 trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được hoạt động theo thời hạn ghi trên quyết định công bố mở, cho phép hoạt động.

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (chấp thuận hoạt động vui chơi giải trí dưới nước vùng 1; công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng 2; đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2; đăng ký phương tiện lần đầu; đăng ký lại phương tiện; cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện; xóa đăng ký phương tiện) đã gửi đến cơ quan có thẩm quyền đúng quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định tại Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước.

4. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu Sở Giao thông vận tải chưa thực hiện được các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này thì có văn bản đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Cục Hàng hải Việt Nam tiếp tục thực hiện. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định này.

5. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa thực hiện được các nhiệm vụ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Nghị định này thì có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giao thông vận tải tiếp tục thực hiện. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thỏa thuận, công bố mở, đóng vùng 2, đóng, không cho phép hoạt động tại vùng 2 theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Nghị định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Quyết định công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2
Mẫu số 02	Quyết định công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2
Mẫu số 03	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 04	Đơn đề nghị đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước (dùng cho phương tiện đăng ký lại)
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước
Mẫu số 06	Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../…….. *.... (địa danh), ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2

ỦY BAN DÂN DÂN HUYỆN...

Căn cứ.....;

Căn cứ Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước;

Xét Đơn đề nghị công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí của.....(1)..... và các hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở, cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2 của.....(1)....., với các nội dung:

1. Vị trí và phạm vi vùng hoạt động:

a) Khu vực hoạt động số 1:..... (2)..... được xác định bởi các điểm từ.... đến... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

b) Khu neo đậu số 2:..... (2)..... được xác định bởi các điểm từ... đến... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

c) Khu neo đậu số....:...: (2) được xác định bởi các điểm từ... đến... có tọa độ theo bảng Phụ lục kèm theo;

Theo vị trí tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động do..... (3)..... lập ngày... tháng... năm...

2. Chủ khai thác:.....

- Địa chỉ trụ sở:.....;

- Số điện thoại:.....

3. Mục đích sử dụng: Hoạt động vui chơi giải trí.

Điều 2...... (1)..... trong quá trình khai thác vùng hoạt động có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Không được phép hoạt động vui chơi giải trí trái mục đích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố.

Điều 3. Các....(4)..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
.....
- Lưu: VT,...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

(1) Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị công bố vùng hoạt động.

(2) Thông tin về phạm vi vùng hoạt động:

- Nếu vùng hoạt động trên sông thì ghi: từ Km... đến Km.... bờ (phải/trái) sông có chiều dài.... m dọc theo sông, chiều rộng.... m;

- Nếu vùng hoạt động không phải trên sông ghi: chiều dài, chiều rộng vùng hoạt động.

(3) Tên của tổ chức lập tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động.

(4) Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

Kèm theo Mẫu số 01

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày... tháng... năm... của Ủy ban nhân dân huyện....)

Tọa độ các điểm khống chế vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước tại vùng 2 của....

(theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục....^{0}..." mũi chiếu...^{0})

Điểm	X(m)	Y(m)	Ghi chú
I	**Vùng hoạt động số 1**		
B1			
B2			
B3			
B4			
...			
II	**Vùng hoạt động số 2**		
A1			
A2			
A3			
A4			
...			
III	**Vùng hoạt động số 3**		
C12			
C13			
C14			
C15			
...			

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../...	*....(địa danh), ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...

Căn cứ.....;

Căn cứ Nghị định số.../2019/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước;

Xét Đơn đề nghị công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí của.....(1)..... và các hồ sơ liên quan,

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố đóng, không cho phép hoạt động vui chơi giải trí tại vùng 2 của.....(1)....., với các nội dung:

- Địa chỉ trụ sở:.....;
- Số điện thoại:.....;
- Đã được cấp vùng hoạt động vui chơi giải trí theo Quyết định số...

Điều 2......(1)..... có trách nhiệm thanh thải vật chướng ngại và trả lại nguyên trạng tự nhiên của vùng hoạt động như trước khi được công bố.

Điều 3. Các.....(2).... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: - Như Điều 3; ..... - Lưu: VT,...	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Nguyễn Văn A**

Ghi chú:

(1) Tên của tổ chức cá nhân đề nghị công bố đóng vùng hoạt động.

(2) Các cá nhân là thủ trưởng các tổ chức có liên quan.

Mẫu số 03

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN CẤP GIẤY CN ĐĂNG KÝ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../ĐK	

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:.....
Chủ phương tiện:.....
Địa chỉ chủ phương tiện:.....
Đã đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
Cấp phương tiện:..... Công dụng:.....
Năm và nơi đóng:.....
Chiều dài thiết kế:..... m, Chiều dài lớn nhất:..... m
Chiều rộng thiết kế:..... m, Chiều rộng lớn nhất:..... m
Chiều cao mạn:..... m, Chiều chìm:..... m
Mạn khô:..... m, Vật liệu vỏ:.....
Số lượng, kiểu và công suất máy chính:.....
Trọng tải toàn phần; số lượng người được phép chở; sức kéo, đẩy:.....
.....

....., ngày... tháng... năm...

Số sêri:.....

Ghi chú:

* Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện được in trên bìa cứng và có kích thước như sau:
- Chiều dài toàn bộ: 20 cm
- Chiều rộng toàn bộ: 15 cm
- Chiều dài của khung viền: 18 cm
- Chiều rộng của khung viền: 13 cm

* Số sêri: Bao gồm phần chữ và phần số
- Phần chữ: là ký hiệu của nhóm chữ cái ghi trên Sổ đăng ký theo quy định tại Mẫu số 09.
- Phần số: gồm 6 chữ số, đánh số theo tuần tự bắt đầu từ 000001.

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

(Dùng cho phương tiện đăng ký lại)

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu.....
- Trụ sở chính: (1).....
.....
- Điện thoại:..... Email:.....

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện với lý do:.....
.....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày... tháng... năm...
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu.....
- Trụ sở chính: (1).....

.....

- Điện thoại:..... Email:.....

Đề nghị cơ quan đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Lý do xin cấp lại:.....

.....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày..... tháng..... năm.....
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC

Kính gửi:.....

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:..... đại diện cho các đồng sở hữu.....
- Trụ sở chính: (1).....
.....
- Điện thoại:..... Email:.....

Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:..... Số đăng ký:.....

Lý do xóa đăng ký:.....
.....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..., ngày... tháng... năm...
CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

Ghi chú:

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.